TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2017/DS-ST
Ngày: 18/8/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và hợp đồng gia công (sấy lúa)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thanh Nhanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Lâm**;

2. Bà **Sơn Thị Vành Đa**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Yến -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Minh Tâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và hợp đồng gia công (sấy lúa), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2016/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị A**.

Địa chỉ: Nhà số x, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn*:

- Bà **Nguyễn Thị B**.
- Ông **Lê Văn T**.

Cùng địa chỉ: Nhà số y, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:

Bà là chủ lò sấy lúa, còn vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn T thường đem lúa lại lò sấy, lâu dần trở thành chỗ làm ăn quen biết, tin tưởng nhau.

- Vào ngày 30/01/2013 âm lịch, bà B và ông T mượn của bà A 300.000.000 đồng để mua chiếc ghe 15 tấn đi mua lúa.

- Ngày 20/7/2013 âm lịch, bà B nhờ bà A mượn giùm 220.000.000 đồng, bà A mượn tiền của bà Nguyễn Thị H 220.000.000 đồng để cho bà B mượn lại.

- Đến ngày 24/7/2013 âm lịch, bà B với ông T ký giấy mượn của bà A 520.000.000 đồng, có Trưởng ban nhân dân ấp T, xã N xác nhận.

- Ngày 29/02/2014 âm lịch, bà B tiếp tục nhờ bà A mượn giùm 220.000.000 đồng, bà A mượn tiền của bà Nguyễn Thị H 220.000.000 đồng để cho bà B mượn lại.

- Tiền công sấy lúa trong năm 2014 bà B và ông T thiếu bà A tổng cộng là 152.000.000 đồng.

Bà B, ông T ký giấy nợ đợt 02 cho bà A là 372.000.000 đồng, có nhờ Trưởng ban nhân dân ấp T, xã N xác nhận.

Vợ chồng bà B, ông T trả 105.000.000 đồng, đến tháng 8 năm 2016 thì không trả nữa. Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B, ông T phải trả lại số tiền còn nợ là 787.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bảy triệu đồng).

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

- Không nhớ vào thời gian nào, bà B vay tiền của bà A hai lần tổng cộng là 220.000.000 đồng, bà A đưa trực tiếp cho bà B tại lò sấy của bà A, không ai chứng kiến, còn số tiền từ đâu bà A có để cho bà vay thì bà không biết, hàng tháng bà phải đóng lãi cho bà A là 13.200.000 đồng. Bà B đóng lãi được gần một năm thì không còn khả năng chi trả nữa, vợ chồng bà trả vốn cho bà A lần lượt hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả đến tháng 01 năm 2017, tổng cộng trả tiền vốn trả cho bà A được 105.000.000 đồng.

- Ngoài tiền vay ra thì bà B còn nợ bà A tiền sấy lúa tổng cộng là 100.000.000 đồng, chứ không phải nợ 152.000.000 đồng như bà A trình bày.

Vợ chồng bà B không có ký tờ nhận nợ đợt một vào ngày 24/7/2013 âm lịch; tờ nhận nợ lần hai ngày 30/8/2014 âm lịch bà B có ký tên, ông T không có ở đó nên không ký tên, bà B mới ký tên giùm ông T.

Khi ký vào tờ nhận nợ ngày 30/8/2014, vì nghĩ là ghi số nợ 220.000.000 đồng tiền vay và 100.000.000 đồng tiền sấy lúa, bà B không biết tờ nhận nợ bà A ghi đến 892.000.000 đồng, nên bà mới ký tên vào.

Nay bà B còn nợ lại tiền vốn vay 115.000.000 đồng và tiền sấy lúa là 100.000.000 đồng. Bà A không yêu cầu tính lãi nên bà B cũng không yêu cầu đối với

số tiền lãi đã đóng trước đây. Do bà không xem kỹ nội dung khi ký giấy nhận nợ, nay bà cũng đồng ý trả cho bà A số tiền 787.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh của bà khó khăn, làm thuê hàng tháng, thu nhập không được bao nhiêu, nên bà xin trả mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

3. Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Việc vay tiền, nợ công sấy lúa giữa vợ ông là bà B với bà A như thế nào thì ông không biết. Ông chỉ nghe bà B nói có vay tiền của bà A và nợ tiền sấy lúa, nhưng bà B không nói nợ bao nhiêu.

Ông cũng không ký tên vào tờ nhận nợ ngày 24/7/2013 âm lịch và ngày 30/8/2014 âm lịch như bà A trình bày.

Nay bà B đồng ý trả cho bà An 787.000.000 đồng, nên ông cũng đồng ý cùng bà B trả số nợ này cho bà An, vì vợ chồng cùng gánh vác trách nhiệm chung, xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, vì thu thập hàng tháng của vợ chồng ông rất thấp, không có khả năng trả nhiều hơn.

4. Người làm chứng chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị cho bà A mượn tiền hai lần tổng cộng là 440.000.000 đồng, chứ không phải cho bà B, ông T mượn. Chị thấy bà A đưa tiền cho bà Bảy tại trước sân nhà chị, còn việc bà B với ông T nợ tiền của bà A như thế nào thì chị không biết. Bà A đã trả lại cho chị số tiền này xong.

5. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về nội dung thì cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà An khởi kiện yêu cầu bà B, ông T trả cho bà số tiền vốn vay 635.000.000 đồng, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Bà A yêu cầu ông T, bà B trả cho bà tiền công sấy lúa 152.000.000 đồng, đây là hợp đồng gia công theo quy định tại Điều 547 Bộ luật Dân sự năm 2005. Trước khi khởi kiện ra Tòa án, nguyên đơn đã yêu cầu các bị đơn trả tiền, nhưng các bị đơn không trả, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm bà A không yêu cầu ông T, bà B trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông T, bà B đều cho rằng ông T không ký tên vào tờ biên nhận nợ, nhưng không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, cũng không có chứng cứ chứng minh chữ ký đó không phải là của ông T. Tại phiên tòa, bà B và ông T đều đồng ý trả cho bà A số tiền

787.000.000 đồng, nhưng xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng bà A không đồng ý mà yêu cầu phải trả ngay, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà B và ông T.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T và bà B phải liên đới trả cho bà A tổng cộng số tiền là 787.000.000 đồng, gồm vốn vay là 635.000.000 đồng và nợ tiền công sấy lúa là 152.000.000 đồng. Trong đó ông T và bà B mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà A là 393.500.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.480.000 đồng, trong đó ông T và bà B mỗi người phải chịu là 17.740.000 đồng.

+ Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên trả lại cho bà A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 477 và Điều 547 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị A, về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị B trả tiền vốn vay và tiền công sấy lúa.

Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho bà Trần Thị A tổng số tiền là 787.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bảy triệu đồng), gồm:

- Tiền vốn vay là 635.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng);

- Tiền công sấy lúa là 152.000.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu đồng).

(Trong đó, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B mỗi người có trách nhiệm trả là 393.500.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng)).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị A có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị B chậm trả tiền thì ông T và bà B phải trả lãi cho bà A đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi

suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.480.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

(Trong đó ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị B mỗi người phải chịu là 17.740.000 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 17.740.000 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004251 ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thanh Nhanh